

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và nghĩa vụ trả nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tàn

Ông Bùi Tấn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2019/TLST –HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ trả nợ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1989.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Hồng L, sinh năm 1989.

Đều cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Q.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ trụ sở: số 169 Phố L, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Pha L, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện B, tỉnh Q theo văn bản ủy quyền số 38/UQ-NHCS, ngày 11/02/2019 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội – chi nhánh tỉnh Q.

Các bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2019, bản tự khai ngày 24/5/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ Th trình bày:

Chị và anh Trịnh Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q ngày 16/4/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L sống vô t, thiếu trách nhiệm với gia đình. Mỗi khi cãi vã, anh L dùng những lời lẽ xúc phạm chị. Ngày 14/9/2015, chị đã khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện B nhưng được Tòa án động viên, hòa giải nên chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, từ đó đến nay cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có gì thay đổi. Vào ngày 03/5/2019, trong lúc vợ chồng xảy ra cãi vã, anh L đã đánh chị rất tàn bạo làm chảy máu đầu và thân thể bầm tím. Từ hôm đó, anh L bỏ về nhà cha mẹ để anh ở. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Hồng L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Phước Nh, sinh ngày 10/4/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con vì hiện nay chị làm cán bộ chuyên trách đài truyền thanh xã B và bưu điện xã B nên chị có thời gian và điều kiện chăm sóc con hơn. Chị có thu nhập mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, chị còn bán văn phòng phẩm nên có thu nhập thêm. Anh L làm công nhân, thời gian làm việc thất thường, lúc ca ngày, lúc ca đêm nên không có thời gian chăm sóc con. Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền là 15.000.000đồng. Vợ chồng thỏa thuận giao cho anh L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trịnh Hồng L trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Th về kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay mà không có cách khắc phục. Trong lúc cãi vã, anh có men rượu, không kìm chế được nên có đánh chị Th. Từ đó, anh về nhà cha mẹ anh ở, không sống với chị Th nữa. Anh xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn chị Th.

Về con chung, anh yêu cầu được nuôi con vì anh có thu nhập cao, hiện nay anh làm công nhân Hòa Phát mỗi tháng thu nhập 8.000.000 đồng, anh làm theo ca, những lúc bận thì nhờ ông, bà nội chăm sóc con giúp. Anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền 15.000.000đồng. Anh có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu chị Th chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

- Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 03/6/2019 của Ngân hàng chính sách xã hội và quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Pha L là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:

Ngày 21/5/2015, vợ chồng chị Nguyễn Thị Lệ Th, anh Trịnh Hồng L có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 40.000.000 đồng, thời gian trả nợ đến ngày 21/11/2020. Quá trình vay vốn, vợ chồng anh L, chị Th chỉ trả nợ Ngân hàng 25.000.000đồng. Tính đến ngày 14/8/2019, vợ chồng anh L, chị Th còn nợ của Ngân hàng số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc và 81.370đồng tiền lãi. Nay vợ chồng ly hôn, Ngân hàng đồng ý hai bên thỏa thuận một trong hai bên phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 15.000.000đồng và 81.370đồng tiền lãi, còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 15/8/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Th và anh L theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Giao cháu Trịnh Phước Nh cho chị Nguyễn Thị Lệ Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, mức cấp dưỡng cụ thể do Hội đồng xét xử quyết định. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc anh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền còn nợ tính đến ngày 14/8/2019 là 15.000.000đồng tiền gốc và 81.370đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 16/4/2013, chị Nguyễn Thị Lệ Th và anh Trịnh Hồng L đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Q nên quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L sống thiếu trách nhiệm với gia đình, có lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị Th. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ ngày 03/5/2019 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Th yêu cầu ly hôn anh L, anh L đồng ý ly hôn, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th, anh L đều thuận tình ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ Th và anh Trịnh Hồng L.

[1.2] Về con chung: Xét thấy cháu Trịnh Phước Nh còn nhỏ, mới hơn 4 tuổi, giới tính nữ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Công việc của chị Th có điều kiện

chăm sóc, nuôi dưỡng con hơn anh L. Từ trước đến nay cháu Nh đều do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi, cuộc sống ổn định cho cháu Nh nên cần giao cháu Trịnh Phước Nh cho chị Nguyễn Thị Lệ Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lệ Th và anh Trịnh Hồng L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Về nợ chung: Anh L, chị Th và Ngân hàng chính sách xã hội thỏa thuận, anh Trịnh Hồng L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền còn nợ tính đến ngày 14/8/2019 là 15.000.000đồng tiền gốc và 81.370đồng tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 15.081.370đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 15/8/2019, theo mã món vay 6600000706112407, mã khách hàng 7068153455 ngày 21/11/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Do đó, thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ này cần được ghi nhận.

[1.5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng. Anh Trịnh Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đồng và 754.000 đồng tiền án phí nghĩa vụ trả nợ.

[1.6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26, Điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ Th và anh Trịnh Hồng L.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Trịnh Phước Nh, sinh ngày 10/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Lệ Th tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trịnh Hồng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Phước Nh mỗi tháng 1.000.000đồng (*một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 14/8/2019 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Hồng L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lệ Th và anh Trịnh Hồng L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc anh Trịnh Hồng L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền còn nợ tính đến ngày 14/8/2019 là 15.000.000đồng tiền gốc và 81.370 đồng tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 15.081.370đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 15/8/2019, theo mã món vay 6600000706112407, mã khách hàng 7068153455 ngày 21/11/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002674 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q. Anh Trịnh Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đồng và 754.000 đồng tiền án phí nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng anh L phải nộp 1.054.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Lệ Th và anh Trịnh Hồng L, Ngân hàng chính sách xã hội có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đình Chung

